

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo quyết định số: 3905/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải)*

Tên chương trình: **Logistics và Vận tải đa phương thức
(Logistics and Multimodal Transport)**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **Khai thác vận tải**
Mã ngành: **52840101**
Loại hình đào tạo: **Chính quy**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Đại học Chính quy Logistics và Vận tải đa phương thức nhằm trang bị cho người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở, kỹ thuật chuyên môn toàn diện, năng lực thực hành nghề nghiệp cơ bản, khả năng thích ứng với những biến đổi trong lĩnh vực Logistics và Vận tải đa phương thức; có đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Nắm vững nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh để nhận thức được đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam về chính sách phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- Có kiến thức cơ bản về khoa học cơ bản, cơ sở cần thiết để tiếp thu kiến thức chuyên ngành và học tập ở trình độ cao hơn;
- Có kiến thức chuyên môn toàn diện về quá trình công nghệ vận tải và tổ chức, quản lý dịch vụ logistics để phân tích, tổng hợp và tổ chức thực hiện hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh vận tải và dịch vụ logistics cho các doanh nghiệp vận tải và logistics;
- Có khả năng nghiên cứu, tư duy khoa học để giải quyết các vấn đề của thực tiễn đặt ra liên quan đến ngành học;
- Có trình độ tin học, ngoại ngữ để khai thác, nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực vận tải và logistics.

1.2.2. Kỹ năng

- Xây dựng và tổ chức thực hiện quá trình công nghệ vận tải, chuỗi cung ứng dịch vụ logistics;
- Xử lý các tình huống trong quá trình công nghệ vận tải và thực hiện chuỗi cung ứng
- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh vận tải và dịch vụ logistics;

- Phân tích, tổng hợp các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vận tải và logistics;

- Rèn luyện đức tính cẩn thận, chính xác trong lĩnh vực nghề nghiệp; phương pháp làm việc khoa học, chuyên nghiệp; khả năng trình bày, khả năng giao tiếp và làm việc hiệu quả theo nhóm, hội nhập được với môi trường quốc tế trong hoạt động kinh doanh vận tải và logistics

- Sử dụng tiếng Anh, công nghệ thông tin, các phần mềm chuyên ngành vào quá trình tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp vận tải và logistics.

1.2.3. Thái độ

- Ý thức được tầm quan trọng của dịch vụ Logistics và Vận tải đa phương thức đối với phát triển kinh tế - xã hội; quốc phòng – an ninh; rèn luyện thể lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

- Ý thức được vai trò và trách nhiệm của bản thân trong việc chấp hành pháp luật, đóng góp cho ngành giao thông vận tải và sự phát triển của đất nước;

- Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, trau dồi kiến thức, khả năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin để tự học suốt đời.

1.2.4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, kỹ sư Logistics và Vận tải đa phương thức có thể làm việc tại các công ty giao nhận và vận chuyển hàng hóa, công ty Logistics, cảng nội địa, doanh nghiệp vận tải, các phòng ban chuyên môn thuộc đơn vị quản lý về giao thông vận tải, giảng dạy và nghiên cứu về lĩnh vực Vận tải đa phương thức và Logistics tại các trường Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ

Có trình độ tiếng Anh tương đương 400 điểm TOEIC

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 150 tín chỉ, hai học phần bắt buộc là Giáo dục thể chất (5 đvht) và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (8 TC) sẽ được cấp chứng chỉ riêng.

Lượng tín chỉ phân bổ cho các khối kiến thức được trình bày trong bảng sau:

STT	KHỐI KIẾN THỨC	BẮT BUỘC	TỰ CHỌN	TỔNG
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	30	4	34
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	108	8	116
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	37	4	41
2.2	Kiến thức ngành	53	4	57
2.3	Thực hành, thực tập nghề nghiệp	6		6
2.4	Thực tập tốt nghiệp	4		4
2.5	Đồ án tốt nghiệp	8		8
	Tổng cộng	138	12	150

4. Đối tượng đào tạo

Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

5. Điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp

* Điều kiện nhập học: Theo Quy chế tuyển sinh hiện hành

* Điều kiện tốt nghiệp: Điều kiện tốt nghiệp thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ Số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục Đào tạo.

6. Thang điểm

* Thang điểm 10: được sử dụng cho các điểm thành phần của một học phần. Các bảng ghi điểm thành phần (điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ, điểm bài thí nghiệm ...) sử dụng thang điểm 10.

* Thang điểm 4: là thang điểm chính thức, trong đó điểm chữ (A, B+, B, C+, C, D+, D, F) được sử dụng cho điểm tổng kết học phần quy đổi từ thang điểm 10, điểm số (4-0) được sử dụng cho tính điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy.

Điểm tốt nghiệp là điểm trung bình chung tích lũy các học phần (trừ 02 học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh cấp chứng chỉ).

7. Nội dung chương trình

7.1. Tên và khối lượng các học phần

7.1.1. Kiến thức Giáo dục đại cương: Tổng số 34 TC

Bao gồm 30 TC các học phần bắt buộc (không kể Giáo dục thể chất 5 đvht, Giáo dục Quốc phòng - An ninh 8 TC) và 4 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	* Học phần bắt buộc		30 TC
7.1.1.1	Lý luận chính trị		12 TC
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	DC1LL01	2
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	DC1LL02	3
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DC1LL03	2
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	DC1LL04	3
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	DC1LL05	2
7.1.1.2	Ngoại ngữ		8 TC
6	Tiếng Anh 1	DC1CB31	4
7	Tiếng Anh 2	DC1CB32	4
7.1.1.3	Toán, khoa học tự nhiên, tin học, công nghệ, môi trường		10 TC
8	Toán 1	DC1CB11	4
9	Toán 2	DC1CB12	3
10	Tin học đại cương	DC1TT42	3
7.1.1.4	Giáo dục thể chất (cấp chứng chỉ riêng)		5 đvht
11	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	DC1TD01	1 đvht

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
12	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	DC1TD02	1 đvht
13	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	DC1TD03	1 đvht
14	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	DC1TD04	1 đvht
15	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	DC1TD05	1 đvht
7.1.1.5	Giáo dục Quốc phòng - An ninh (cấp chứng chỉ riêng)		8 TC
16	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	DC1QP01	3 TC
17	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	DC1QP02	2 TC
18	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	DC1QP03	3 TC
	* Học phần tự chọn		4 / 8 TC
1	Môi trường trong giao thông vận tải	DC1CB90	2
2	Văn hóa kinh doanh	DC2CB94	2
3	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	DC1CB91	2
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DC1CB99	2

7.1.2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp: Tổng số 116 TC

7.1.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: Tổng số 41 TC

Bao gồm 37 TC các học phần bắt buộc và 4 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	* Học phần bắt buộc		37 TC
1	Bảo hiểm trong giao thông vận tải	DC2CB89	2
2	Pháp luật kinh tế	DC2KV93	2
3	Thương mại điện tử	DC2KV90	2
4	Kinh tế học	DC2KV64	4
5	Quản trị học	DC2KV72	2
6	Phương tiện vận tải	DC2VL21	2
7	Nguyên lý thống kê	DC2KV70	3
8	Định mức kinh tế kỹ thuật	DC2KV22	3
9	Marketing vận tải	DC2KV23	3
10	Tài chính - Tiền tệ	DC2KV67	3
11	Kinh tế vận tải	DC2KV24	4
12	Hàng hóa vận tải	DC2KV31	2
13	Địa lý vận tải	DC2KV32	2
14	Nguyên lý kế toán	DC2KV68	3
	* Học phần tự chọn		4 / 8 TC
1	Hạ tầng giao thông vận tải	DC2KV25	2
2	Kinh tế quốc tế	DC2KV82	2
3	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	DC3QT12	2
4	Lý thuyết xác suất - thống kê	DC1CB20	2

7.1.2.2. Kiến thức ngành: Tổng số 57 TC

Bao gồm 53 TC các học phần bắt buộc và 4 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	* Học phần bắt buộc		53 TC
1	Tiếng Anh 3	DC3VL33	3
2	Tổ chức xếp dỡ	DC3KV21	3
3	Giao nhận vận tải và hải quan	DC3VL22	3
4	Điều tra kinh tế kỹ thuật	DC3KV23	2
5	Pháp luật về kinh doanh Logistics và Vận tải đa phương thức	DC3VL24	3
6	Công nghệ vận tải 1	DC3VL25	3
7	Công nghệ vận tải 2	DC3VL26	3
8	Đồ án công nghệ vận tải	DC3VL43	1
9	Vận tải hàng hóa quốc tế	DC3VL27	3
10	Quản trị Logistics	DC3VL28	3
11	Đồ án Quản trị Logistics	DC3VL29	1
12	Kế toán doanh nghiệp	DC3KV40	3
13	Logistics thương mại	DC3VL31	2
14	Quản trị kho hàng	DC3VL32	3
15	Quản trị chuỗi cung ứng	DC3VL34	3
16	Giao dịch ngoại thương	DC3VL35	3
17	Tài chính doanh nghiệp	DC3KV36	3
18	Thống kê doanh nghiệp	DC3KV37	2
19	Hệ thống thông tin Logistics	DC3VL38	3
20	Phân tích hoạt động kinh doanh	DC3VL39	3
	* Học phần tự chọn		4 / 8 TC
1	Thanh toán quốc tế	DC3VL40	2
2	Thương mại quốc tế	DC3VL41	2
3	Chiến lược phát triển doanh nghiệp	DC3VL42	2
4	Quản trị chất lượng	DC3KV67	2

7.1.2.3. Thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp (18 TC bắt buộc):

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
7.1.2.3.1	Thực hành, thực tập nghề nghiệp		6 TC
1	Thực tập nghiệp vụ	DC4VL21	6
7.1.2.3.2	Thực tập tốt nghiệp		4 TC
2	Thực tập tốt nghiệp	DC4VL70	4
7.1.2.3.3	Đồ án tốt nghiệp		8 TC
3	Đồ án tốt nghiệp	DC4VL80	8

7.2. Khung chương trình đào tạo

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
I	Kiến thức giáo dục đại cương		34				
	* Học phần bắt buộc		30				
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	DC1LL01	2	21	18		
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	DC1LL02	3	30	30		DC1LL01
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DC1LL03	2	21	18		DC1LL02
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	DC1LL04	3	30	30		DC1LL03
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	DC1LL05	2	30			
6	Tiếng Anh 1	DC1CB31	4	45	30		
7	Tiếng Anh 2	DC1CB32	4	45	30		DC1CB31
8	Toán 1	DC1CB11	4	60			
9	Toán 2	DC1CB12	3	45			
10	Tin học đại cương	DC1TT42	3	30	30		
11	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	DC1TD01	1 đvht	8	22		
12	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	DC1TD02	1 đvht	8	22		
13	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	DC1TD03	1 đvht	8	22		
14	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	DC1TD04	1 đvht	3	27		
15	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	DC1TD05	1 đvht	3	27		
16	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	DC1QP01	3	45			DC1LL04
17	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	DC1QP02	2	30			
18	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	DC1QP03	3	15	60		

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
	* Học phần tự chọn		4/8				
1	Môi trường trong giao thông vận tải	DC1CB90	2	30			
2	Văn hóa kinh doanh	DC2CB94	2	30			
3	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	DC1CB91	2	30			
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DC1CB99	2	30			
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		116				
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		41				
	* Học phần bắt buộc		37				
1	Bảo hiểm trong giao thông vận tải	DC2CB89	2	30			DC1LL01
2	Pháp luật kinh tế	DC2KV93	2	30			DC1LL05
3	Thương mại điện tử	DC2KV90	2	30			DC2KV74
4	Kinh tế học	DC2KV64	4	60			
5	Quản trị học	DC2KV72	2	30			
6	Phương tiện vận tải	DC2VL21	2	30			
7	Nguyên lý thống kê	DC2KV70	3	45			
8	Định mức kinh tế kỹ thuật	DC2KV22	3	45			
9	Marketing vận tải	DC2KV23	3	45			DC2KV64
10	Tài chính - Tiền tệ	DC2KV67	3	45			DC1LL02
11	Kinh tế vận tải	DC2KV24	4	60			DC2KV70
12	Hàng hóa vận tải	DC2KV31	2	30			
13	Địa lý vận tải	DC2KV32	2	30			
14	Nguyên lý kế toán	DC2KV68	3	45			
	* Học phần tự chọn		4/8				
1	Hạ tầng giao thông vận tải	DC2KV25	2	30			
2	Kinh tế quốc tế	DC2KV82	2	30			DC2KV62
3	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	DC3QT12	2	30			DC2KV74
4	Lý thuyết xác suất - thống kê	DC1CB20	2	30			
II.2	Kiến thức ngành		57				
	* Học phần bắt buộc		53				
1	Tiếng Anh 3	DC3VL33	3	30	30		
2	Tổ chức xếp dỡ	DC3KV21	3	45			

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
3	Giao nhận vận tải và hải quan	DC3VL22	3	45			
4	Điều tra kinh tế kỹ thuật	DC3KV23	2	30			
5	Pháp luật về kinh doanh Logistics và Vận tải đa phương thức	DC3VL24	3	45			DC2KV93
6	Công nghệ vận tải 1	DC3VL25	3	45			
7	Công nghệ vận tải 2	DC3VL26	3	45			DC3VL25
8	Đồ án công nghệ vận tải	DC3VL43	1			45	DC3VL26
9	Vận tải hàng hóa quốc tế	DC3VL27	3	45			DC3VL22
10	Quản trị Logistics	DC3VL28	3	45			
11	Đồ án Quản trị Logistics	DC3VL29	1			45	DC3VL28
12	Kế toán doanh nghiệp	DC3KV40	3	45			DC2KV68
13	Logistics thương mại	DC3VL31	2	30			DC3VL28
14	Quản trị kho hàng	DC3VL32	3	45			DC3VL28
15	Quản trị chuỗi cung ứng	DC3VL34	3	45			DC3VL28
16	Giao dịch ngoại thương	DC3VL35	3	45			DC3VL22
17	Tài chính doanh nghiệp	DC3KV36	3	45			DC2KV67
18	Thống kê doanh nghiệp	DC3KV37	2	30			DC2KV70
19	Hệ thống thông tin Logistics	DC3VL38	3	45			DC3VL28
20	Phân tích hoạt động kinh doanh	DC3VL39	3	45			DC3KV37
	* Học phần tự chọn		4/8				
1	Thanh toán quốc tế	DC3VL40	2	30			
2	Thương mại quốc tế	DC3VL41	2	30			
3	Chiến lược phát triển doanh nghiệp	DC3VL42	2	30			
4	Quản trị chất lượng	DC3KV67	2	30			
II.3	Thực hành, thực tập nghề nghiệp; thực tập và đồ án tốt nghiệp		18				
1	Thực tập nghiệp vụ	DC4VL21	6			270	DC3VL39
2	Thực tập tốt nghiệp	DC4VL70	4			180	DC4VL21
3	Đồ án tốt nghiệp	DC4VL80	8			480	DC4VL70
	Tổng cộng		150				

8. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ								
			I	II	III	IV	V	VI	VII	IX	
8.1	Kiến thức giáo dục đại cương	34									
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2								
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3		3							
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2						
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3				3					
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	2								
6	Tiếng Anh 1	4	4								
7	Tiếng Anh 2	4		4							
8	Toán 1	4	4								
9	Toán 2	3		3							
10	Tin học đại cương	3	3								
11	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	1 đvht	1								
12	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	1 đvht		1							
13	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	1 đvht			1						
14	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	1 đvht				1					
15	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	1 đvht					1				
16	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	3				3					
17	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	2				2					
18	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	3			3						
19	Tự chọn 1	2	2								
20	Tự chọn 2	2			2						
8.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	116									
8.2.1	Kiến thức cơ sở ngành	41									
21	Bảo hiểm trong giao thông vận tải	2		2							
22	Pháp luật kinh tế	2		2							
23	Thương mại điện tử	2			2						
24	Kinh tế học	4		4							
25	Quản trị học	2		2							
26	Phương tiện vận tải	2			2						
27	Nguyên lý thống kê	3			3						
28	Định mức kinh tế kỹ thuật	3			3						
29	Marketing vận tải	3				3					
30	Tài chính - Tiền tệ	3			3						
31	Kinh tế vận tải	4				4					

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ								
			I	II	III	IV	V	VI	VII	IX	
32	Hàng hóa vận tải	2			2						
33	Địa lý vận tải	2		2							
34	Nguyên lý kế toán	3			3						
35	Tự chọn 3	2	2								
36	Tự chọn 4	2					2				
8.2.2	Kiến thức ngành	57									
37	Tiếng Anh 3	3				3					
38	Tổ chức xếp dỡ	3				3					
39	Giao nhận vận tải và hải quan	3					3				
40	Điều tra kinh tế kỹ thuật	2					2				
41	Pháp luật về kinh doanh Logistics và Vận tải đa phương thức	3					3				
42	Công nghệ vận tải 1	3					3				
43	Công nghệ vận tải 2	3						3			
44	Đồ án công nghệ vận tải	1						1			
45	Vận tải hàng hóa quốc tế	3						3			
46	Quản trị Logistics	3					3				
47	Đồ án Quản trị Logistics	1						1			
48	Kế toán doanh nghiệp	3					3				
49	Logistics thương mại	2						2			
50	Quản trị kho hàng	3						3			
51	Quản trị chuỗi cung ứng	3							3		
52	Giao dịch ngoại thương	3						3			
53	Tài chính doanh nghiệp	3						3			
54	Thống kê doanh nghiệp	2						2			
55	Hệ thống thông tin Logistics	3							3		
56	Phân tích hoạt động kinh doanh	3							3		
57	Tự chọn 5	2							2		
58	Tự chọn 6	2							2		
8.2.3	Thực hành, thực tập nghề nghiệp; thực tập và đồ án tốt nghiệp	18									
59	Thực tập nghiệp vụ	6							6		
60	Thực tập tốt nghiệp	4								4	
61	Đồ án tốt nghiệp	8								8	
	Tổng cộng	150	19	22	22	16	19	21	19	12	

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình đào tạo Đại học Logistics và Vận tải đa phương thức thuộc ngành đào tạo Khai thác vận tải

- Danh mục và khối lượng các học phần đưa ra tại mục 7 gồm 2 phần:

- + Những học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy;
 - + Những học phần tự chọn sinh viên thực hiện theo hướng dẫn của nhà trường phù hợp với ngành đào tạo để tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình;
 - Mỗi học phần được liệt kê ở bảng danh mục các học phần trong chương trình đào tạo (mục 7) đều phải có đề cương chi tiết học phần (kể cả các học phần tự chọn); phòng Đào tạo phối hợp với các khoa liên quan triển khai xây dựng đề cương chi tiết học phần (theo mẫu chung của Trường) trình Hiệu trưởng ký duyệt trước khi tổ chức giảng dạy.
 - Trong đề cương chi tiết học phần cần nêu rõ những nội dung trọng tâm phải kiểm tra và những sách, giáo trình, tài liệu học tập và tham khảo (nêu rõ tên tài liệu, tác giả và năm xuất bản); để sinh viên có thể tự học được, cần chỉ rõ để học chương này cần phải đọc những sách, tài liệu nào, ở đâu.
 - Tổ chức giảng dạy học phần, cách đánh giá kết quả học phần thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và hướng dẫn của Trường.
 - Chương trình đào tạo thiết kế cho 8 học kỳ chính. Ngoài 8 học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm các học kỳ phụ vào thời gian hè để sinh viên có điều kiện học lại; học bù hoặc học vượt.
 - Kế hoạch đào tạo cho các học kỳ được xây dựng trong mục 8 chỉ có tính chất định hướng (dự kiến) để sinh viên đăng ký khối lượng học tập, giảng viên cố vấn học tập cho sinh viên. Căn cứ vào khối lượng học tập sinh viên đăng ký theo từng học phần, phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa/Bộ môn biên chế lớp học trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện.
 - Hàng kỳ, căn cứ tình hình thực tế và khối lượng của các học phần, phòng Đào tạo và các khoa cần điều chỉnh cho phù hợp.
- Trong quá trình thực hiện chương trình, Khoa/Bộ môn thấy cần điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, báo cáo lên Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường trình Hiệu trưởng quyết định.

HIỆU TRƯỞNG

TS. ĐỖ NGỌC VIỆN